

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 12/2021/DS-PT

Ngày: 13-4-2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Ông Hồ Đức Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Ông Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nghiêm Xuân Đ, sinh năm 1968 (Vắng mặt) và bà Phan Thị V, sinh năm 1972 (Có mặt). Địa chỉ: Số XX, ngõ YY, đường Trần Đăng D, khối M, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An và ông Trần Duy V, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Đồng bị đơn:

+ Bà Nghiêm Thị L, sinh năm: 1946; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

+ Bà Nghiêm Thị A, sinh năm: 1949; địa chỉ: Số nhà XX, ngõ YY, ngách ZZ, phố T, tổ M, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Bà Nghiêm Thị E, sinh năm: 1960; Hộ khẩu thường trú: Khối B, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay: Khu Tập thể cửa hàng ăn đường sắt ga V, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Võ Thị C, sinh năm: 1946; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

+ Ông Nghiêm K, sinh năm: 1937; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt có lý do.

+ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh do bà Nguyễn Thị Hải B – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường, đại diện. Có mặt.

+ Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh do ông Nghiêm Sỹ Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn, đại diện. Vắng mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

+ Ông Mai Tiến D, sinh năm: 1977, nơi công tác: Công ty Luật TNHH P; địa chỉ: Tầng XX, Tòa nhà Z, số M, đường Khuất Duy T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ông Phạm Văn M, sinh năm: 1977, nơi công tác: Công ty Luật TNHH P; địa chỉ: Tầng XX, Tòa nhà Z, số M, đường Khuất Duy T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Các đồng bị đơn Nghiêm Thị L; Nghiêm Thị A; Nghiêm Thị E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-03-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, và bản tự khai của những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có tại hồ sơ trình bày:

Ông Nghiêm Xuân Đ có thửa đất số 212, tờ bản đồ số 9 ở thôn Đ, xã Đức Yên (nay là thị trấn Đ), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN814066 ngày 28/4/2014 mang tên Nghiêm Xuân Đ. Nguồn gốc thửa đất là ông nhận thừa kế của ông, bà nội là ông Nghiêm Khắc N (đã chết năm 2000) và bà Bùi Thị T (chết năm 1994).

Theo nguyên đơn trình bày năm 1996 (còn bị đơn trình bày năm 1992), bà Bùi Thị H (tên thường gọi là Bà P) từ Hà Nội trở về quê không có nơi ở nên đã mượn ông Nghiêm Khắc N phần diện tích đất khoảng 70m² trong số diện tích thửa đất số 212, tờ bản đồ số 9 ở tổ dân phố Đ, thị trấn Đ để xây một ngôi nhà cấp 4 để ở (việc mượn đất không lập thành văn bản).

Trước khi mất (năm 2000) ông Nghiêm Khắc N có di nguyện sau khi Bà P chết không ai được sinh sống trên đó và phải trả lại đất cho gia đình ông N. Năm 2017 Bà P chết, gia đình ông Nghiêm Xuân Đ (người được thừa kế đất) đã nhiều lần yêu cầu những người con của Bà P tháo dỡ ngôi nhà cấp 4, công trình phụ, sân bê tông, mái che bằng tôn mà Bà P đã xây dựng trên diện tích khoảng 70m² đất mượn của gia đình ông, nhưng không được các con của Bà P chấp nhận. Do đó, ngày 10/5/2020 ông Nghiêm Xuân Đ làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị A và Nghiêm Thị E (các

con của Bà P) tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà cấp 4 đã xây, trả lại toàn bộ diện tích đất khoảng 70m² cho gia đình ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/12/2020, phía đại diện của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn tháo dỡ các công trình đã xây trên phần đất đang tranh chấp để trả lại cho nguyên đơn 74,09 m² đất chứ không phải 70 m² đất. Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng là chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản mà nguyên đơn đã nộp nếu như phía nguyên đơn thắng kiện.

** Các đồng bị đơn Bà Nghiêm Thị A, Nghiêm Thị E, Nghiêm Thị L trình bày thống nhất nội dung như sau:*

Thửa đất đang tranh chấp hiện nay thuộc đất của ông T và đất hương hỏa thờ tự là 1.050 m² hiện do ông N và mẹ các là bà Bùi Thị H (cố P) ở. Mẹ các bà ở trên phần đất khoảng 70 m², phần diện tích đất còn lại là của ông N và con cháu ông sở hữu. Bà H sống trên mảnh đất này từ năm 1992 cho đến khi bà mất (2017) và con cháu tiếp tục thờ tự cho đến nay không tranh chấp. Tài sản trên đất gồm có một ngôi nhà cấp bốn, có gian thờ, gian ở và bếp.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bà tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 của Bà P để trả lại cho gia đình nguyên đơn 70m² đất các bà không đồng ý. Vì theo bị đơn phần diện tích đất hiện có ngôi nhà của bà Bùi Thị H (tên thường gọi là cố P) mặc dù không có giấy tờ gì để chứng minh nhưng là đất hương hỏa do cha ông để lại chứ không phải là đất của ông Nghiêm Khắc N (là ông nội ông Nghiêm Xuân Đ). Ông Nghiêm Khắc N đang ở nhờ đất của ông Nghiêm S còn bà H ở tại mảnh đất trên từ năm 1992 trước khi ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nghiêm Thị A trình bày: Bà Bùi Thị H (cụ cố P) sinh sống trên mảnh đất đó từ năm 1992, trước thời điểm ông Nghiêm Khắc N được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hơn nữa quá trình bà H sinh sống trên mảnh đất đó cũng không có giấy mượn đất hay bất cứ loại giấy tờ nào thể hiện việc bà H mượn đất của ông N nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung khởi của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C trình bày: Bà kết hôn với ông Nghiêm K, con trai cụ Nghiêm Khắc N vào khoảng năm 1994, sau khi kết hôn với ông Khang thì bà sinh sống trên thửa đất số 212, tờ bản đồ số 09 có diện tích 1056,2 m² có vị trí tại Tổ dân phố Đ, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đến nay. Năm 1995, bà Bùi Thị H không có nhà để ở nên được ông Nghiêm Khắc N cho mượn một phần đất nằm trên thửa đất của ông N. Năm 1996 bà H xây dựng căn nhà cấp 4 để ở. Khi mượn đất thì ông N có nói với bà H là khi nào bà H qua đời phải trả lại phần đất trên cho ông N hoặc con cháu ông N. Nay bà H đã chết tôi đề nghị các con của bà tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 bà H đã xây dựng để trả lại cho chủ sử dụng hợp pháp mảnh đất trên là ông Nghiêm Xuân Đ.

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh và Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh qua tài liệu đã cung cấp trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa đều có quan điểm đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã căn cứ vào Khoản 09 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 147, 157, 158, 165, 166, 185; Khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 5, 95, 100, 166, 170, 203 luật Đất đai; Khoản 3 Điều 155, 163, 164 và 166 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nghiêm Xuân Đ đối với đồng bị đơn là bà Nghiêm Thị A, Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị E về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Buộc các đồng bị đơn bà Nghiêm Thị A, Nghiêm Thị L và Nghiêm Thị E phải trả lại diện tích đất 74,09 m² thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 09 có vị trí tại Tổ dân phố Đ, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cho ông Nghiêm Xuân Đ.

Phần đất tranh chấp có tứ cận:

- Phía Tây giáp đường thôn xóm dài 7,3 m;
- Phía Đông giáp vườn nhà ông Nghiêm Xuân Đ dài 7,3 m;
- Phía Nam giáp vườn nhà ông Nghiêm Xuân Đ dài 5,3 m;
- Phía Bắc giáp vườn nhà ông Nghiêm Xuân Đ dài 5,3 m.

* Giao cho ông Nghiêm Xuân Đ sử dụng toàn bộ tài sản trên diện tích đất 74,09 m² gồm: Ngôi nhà cấp 4, công trình phụ, sân và mái che.

Ông Nghiêm Xuân Đ phải giao cho các đồng bị đơn số tiền 20.111.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc đồng bị đơn bà Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị A và Nghiêm Thị E phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 04/01/2021, các đồng bị đơn bà Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị A và Nghiêm Thị E kháng cáo với các nội dung:

- Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đồng bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, xem xét lại thủ tục cấp đất cho ông Nghiêm Xuân Đ và nếu được bên nguyên đơn để lại 74,09 m² đất thì bên bị đơn sẽ hỗ trợ số tiền với giá trị tương đương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp đất đai và thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các đồng bị đơn:

[2.1] Xét nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm xác định như sau:

Phần diện tích đất đang tranh chấp được xác định nằm trong thửa đất số 212, tờ bản đồ số 09 có diện tích 1056,2 m² bao gồm diện tích đất ở 200 m², diện tích đất trồng cây lâu năm 856,2 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 814066 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 28/4/2014 mang tên ông Nghiêm Xuân Đ có vị trí tại Tổ dân phố Đ, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/9/2020 có tổng diện tích 74,09 m², đang do bố mẹ ông Nghiêm Xuân Đ quản lý, sử dụng.

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là ông Nghiêm Xuân Đ nhận thừa kế của ông Nghiêm Khắc N. Ngày 28/4/20214, ông Đình được UBND huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 814066 với diện tích 1056,2 m². Từ năm 2014 cho đến nay gia đình ông Đình đã sử dụng ổn định thửa đất trên. Qua xem xét thủ tục cấp đất cho hộ ông Nghiêm Xuân Đ HĐXX xét thấy phần thủ tục cấp đất đảm bảo và đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất trên (bao gồm cả phần diện tích đất 74,09 m² đang tranh chấp) là ông Nghiêm Xuân Đ.

Mặc dù gia đình bà Bùi Thị H (cố P) đã sử dụng diện tích đang tranh chấp từ thời ông nội của ông Đình nhưng người thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất như đăng ký, kê khai, đứng tên trong sổ địa chính vẫn là ông Nghiêm Xuân Đ.

[2.2] Các đồng bị đơn khai phần diện tích đất hiện tại có ngôi nhà của mẹ các bà là bà Bùi Thị H xây trên đó có nguồn gốc là đất của ông Nghiêm Tường và đất hương hỏa, tuy nhiên các bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về nguồn gốc thửa đất trên như các bị đơn đã trình bày. Mặt khác, tiền thuê đất hàng năm đều do ông Nghiêm Xuân Đ nộp và các bị đơn đều thừa nhận không có công sức đóng góp, tôn tạo gì trong quá trình sinh sống trên thửa đất. Tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ tài liệu để chứng minh mình có quyền sử dụng đất.

Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ý kiến của các đồng bị đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là đất hương hỏa và đất của ông Nghiêm Tường. Do đó, ông Nghiêm Xuân Đ khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải có nghĩa vụ tháo dỡ ngôi nhà và trả lại phần diện tích đất trên là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của các đồng bị đơn là Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị A và Nghiêm Thị E.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 7.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá 5.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157, 158, 165 và 166 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn được Tòa án trả lại số tiền còn thừa 2.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 24, khoản 1, 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn ông Nghiêm Xuân Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của các đồng bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của các đồng bị đơn Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị A và Nghiêm Thị E. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Khoản 09 Điều 26; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 147, 157, 158, 165, 166, 185; Khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 5, 95, 100, 166, 170, 203 luật Đất đai; Khoản 3 Điều 155, 163, 164 và 166 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nghiêm Xuân Đ đối với đồng bị đơn là bà Nghiêm Thị A, Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị E về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Buộc các đồng bị đơn bà Nghiêm Thị A, Nghiêm Thị L và Nghiêm Thị E phải trả lại diện tích đất 74,09 m² thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 09 có vị trí tại Tổ dân phố Đ, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cho ông Nghiêm Xuân Đ.

Phần đất tranh chấp có tứ cận:

- Phía Tây giáp đường thôn xóm dài 7,3 m;
- Phía Đông giáp vườn nhà ông Nghiêm Xuân Đ dài 7,3 m;
- Phía Nam giáp vườn nhà ông Nghiêm Xuân Đ dài 5,3 m;
- Phía Bắc giáp vườn nhà ông Nghiêm Xuân Đ dài 5,3 m.

* Giao cho ông Nghiêm Xuân Đ sử dụng toàn bộ tài sản trên diện tích đất 74,09 m² gồm: Ngôi nhà cấp 4, công trình phụ, sân và mái che.

Ông Nghiêm Xuân Đ phải giao cho các đồng bị đơn số tiền 20.111.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc đồng bị đơn bà Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị A và Nghiêm Thị E phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc đồng bị đơn bà Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị A và Nghiêm Thị E phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Trả lại cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006020 ngày 08/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Án phí phúc thẩm: Các đồng bị đơn là bà Nghiêm Thị L, Nghiêm Thị A và Nghiêm Thị E phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2016/ 0006106 ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền